

NỔ LỰC VƯỢT ĐỈNH

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Thực phẩm và đồ uống nửa cuối năm 2024

Giá gạo Việt xuất khẩu ngày càng tăng và chất lượng càng cải thiện. Thống kê của Tổng cục Hải quan, tính đến giữa tháng 8 năm nay, nước ta đã xuất khẩu 5,7 triệu tấn gạo, thu về gần 3,59 tỷ USD. So với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo chỉ tăng nhẹ 6,5% về lượng nhưng giá trị tăng mạnh 24,7%.

Nhu cầu của người tiêu dùng đang gia tăng, đặc biệt vào các dịp lễ và Tết trong quý tới. Bên cạnh đó, việc tăng thu nhập sẽ thúc đẩy nhu cầu mua sắm, góp phần cải thiện doanh thu cho doanh nghiệp. Đồng thời, chính phủ đã có những chính sách khuyến khích xuất khẩu, hỗ trợ nông dân và đầu tư vào hạ tầng nông nghiệp.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index tăng 4,26 điểm trong phiên 01/10 kết phiên ở mức 1.292,2 điểm.

Thanh khoản tăng 31,25% so với phiên giao dịch ngày 30/09. Khối ngoại quay lại mua ròng hơn 690 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường có khả năng tiếp tục nỗ lực vượt 1.300 điểm trong phiên giao dịch ngày 02/10. VN-Index đã ghi nhận sự tăng điểm, đi kèm với khối lượng giao dịch duy trì ổn định và khối ngoại quay lại mua ròng. Dù đà tăng bị chi phối quanh vùng đỉnh trong 3 phiên gần đây thể hiện sự thận trọng nhất định của hoạt động mua mới, xu hướng chủ đạo vẫn là xu hướng tăng. Hiện tại, chỉ số liên tục giằng co khi kiểm tra lại ngưỡng đỉnh cũ (khoảng 1.290-1.300 điểm). Đây là một ngưỡng kháng cự quan trọng, và kết quả của việc kiểm tra vùng này sẽ định hình xu hướng của chỉ số trong thời gian tới.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX

Chỉ số VNINDEX · 1D O 1290.68 H 1302.22 L 1290.68 C 1292.20 +4.26 (+0.33%)



| Chỉ báo | RSI14 | MFI | MA10 | MA20 | MA50 | MA100 |
|-----------|-------|-------|----------|----------|----------|----------|
| Giá trị | 62,88 | 66,93 | 1.280,37 | 1.270,21 | 1.256,36 | 1.265,23 |
| Hành động | Mua | Mua | Mua | Mua | Mua | Mua |

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

PAN

Khuyến nghị: **Mua**

TP: **26.000 VND** | UPSIDE: **+10%**

Chiến lược hành động

MUA: NĐT nên tập trung ưu tiên vào các nhóm ngành có tiềm năng trong giai đoạn cuối năm như bán lẻ, chứng khoán, ngân hàng, đầu tư công, bất động sản khu công nghiệp,... để đón đầu sự dịch chuyển dòng tiền. Việc lựa chọn cổ phiếu là quan trọng.

BÁN: NĐT quan sát tín hiệu của thị trường và duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận.

Tổng quan thị trường

| Thị trường | Giá trị | %Δ |
|------------------|----------|--------|
| VN-Index | | |
| Đóng cửa | 1.292,20 | 0,33 |
| KLCP (triệu CP) | 982,29 | 31,25 |
| GTGD (tỷ VND) | 21.892 | 34,40 |
| Khớp lệnh | 20.383 | 34,86 |
| Thỏa thuận | 1.508 | 28,47 |
| HNX-Index | | |
| Đóng cửa | 236,05 | 0,49 |
| KLCP (triệu CP) | 126,27 | 122,37 |
| GTGD (tỷ VND) | 2.228 | 94,08 |
| UPCoM | | |
| Đóng cửa | 93,28 | -0,30 |
| KLCP (triệu CP) | 77.107 | 67,84 |
| GTGD (tỷ VND) | 1.041 | 32,51 |

Diễn biến TTCK Mỹ: Các chỉ số chính của thị trường chứng khoán Mỹ đang ghi nhận phiên giao dịch thua lỗ khi căng thẳng gia tăng ở Trung Đông làm giảm khẩu vị rủi ro và sự nhiệt tình của nhà đầu tư đối với giai đoạn giao dịch mới. Chỉ số Dow Jones giảm hơn 173 điểm, trong khi S&P 500 và Nasdaq lần lượt giảm 0,93% và 1,53%.

Thế giới: Khảo sát đối với khu vực tư nhân cho thấy hoạt động sản xuất của các nhà máy tại châu Á đã giảm đáng kể trong tháng 9 do nhu cầu yếu từ Trung Quốc và sự bất ổn của kinh tế toàn cầu. Cuộc khảo sát Chỉ số Nhà quản lý Mua hàng (PMI) cho thấy hoạt động sản xuất tại Nhật Bản đã giảm trong tháng 9 và tốc độ tăng trưởng tại Đài Loan (Trung Quốc) cũng chậm lại vào thứ Ba (ngày 1/10), phản ánh nhu cầu toàn cầu suy yếu đang tác động tiêu cực đến các nhà xuất khẩu châu Á. Trong bối cảnh đó, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Hàn Quốc cũng suy giảm vào tháng 9, khi dữ liệu cho thấy các lô hàng đến Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, gần như không tăng, phản ánh sự ảnh hưởng từ tình trạng suy giảm tăng trưởng của nền kinh tế số một thế giới. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo các nền kinh tế châu Á sẽ đạt được mục tiêu hạ cánh mềm với việc lạm phát giảm, tạo điều kiện cho các ngân hàng trung ương nới lỏng chính sách tiền tệ nhằm hỗ trợ tăng trưởng. IMF dự đoán tốc độ tăng trưởng của khu vực sẽ chậm lại, từ 5% trong năm 2023 xuống còn 4,5% trong năm nay và 4,3% vào năm 2025.

Việt Nam: 8 tháng đầu năm 2024, thương mại Việt Nam - Pháp đạt 3,4 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm trước (YoY). Về xuất khẩu, theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Pháp mang về 2,22 tỷ USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng xuất khẩu lớn chủ yếu thuộc nhóm dệt may và điện tử. Về nhập khẩu, Việt Nam chi 1,18 tỷ USD để nhập khẩu hàng hóa từ Pháp trong 8 tháng đầu năm 2024, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước. Dược phẩm là mặt hàng nhập khẩu lớn nhất từ Pháp với giá trị 365 triệu USD, tăng 22% so với cùng kỳ và chiếm 33% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ nước này. Ngoài ra Việt Nam còn nhập khẩu máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác từ thị trường này với kim ngạch 133 triệu USD, tăng 29% YoY; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 100 triệu USD, tăng 12,9% YoY.

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do giảm xuống mức 24.565.

Vàng: Vàng tăng vọt hơn 1% lên trên 2.660 USD/ounce vào thứ Ba, gần mức cao nhất mọi thời đại là 2.685 USD, được thúc đẩy bởi nhu cầu trú ẩn an toàn khi nỗi lo về một cuộc xung đột rộng lớn hơn ở Trung Đông nổi lên sau các cuộc tấn công bằng tên lửa đạn đạo của Iran vào Israel. Các nhà đầu tư hiện đang chờ đợi dữ liệu kinh tế quan trọng từ Mỹ, bao gồm báo cáo việc làm và PMI dịch vụ của ISM, để đánh giá các động thái tiếp theo của Fed. PMI sản xuất tăng nhẹ so với mức dự đoán lên 47,3.

POW: Ngày 01/10/2024, tại Hà Nội, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) đã công bố hợp đồng tín dụng trị giá 521,5 triệu USD ký với tổ hợp hai ngân hàng Citi và ING được bảo hiểm bởi KSURE và SERV tài trợ cho Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4. Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 là dự án nhà máy điện sử dụng LNG đầu tiên tại Việt Nam và có ý nghĩa quan trọng trong quá trình dịch chuyển năng lượng quốc gia. Dự án có tổng mức đầu tư gần 1,4 tỷ USD, trong đó cơ cấu vốn chủ sở hữu/vốn vay của dự án là 25/75%. Theo ông Hoàng Văn Quang, Chủ tịch HĐQT PV Power, trong chiến lược phát triển dài hạn, PV Power xác định lấy công nghiệp điện khí là định hướng phát triển chủ đạo, đồng thời lựa chọn các dự án thích hợp để phát triển trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch phù hợp với chủ trương của Chính phủ hướng tới Net Zero vào năm 2050 và xu hướng của thế giới. Đến nay, các khoản tín dụng đã được PV Power ký kết để tài trợ cho Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và 4 bao gồm: Khoản vay SMBC/SACE trị giá 200 triệu USD ký ngày 31/3/2023; Khoản vay VCB trị giá 4.000 tỷ đồng ký ngày 26/9/2023; Hợp đồng tín dụng trị giá 521,5 triệu USD với tổ hợp hai ngân hàng Citi và ING được bảo hiểm bởi KSURE và SERV.

Chứng khoán thế giới

| Thị trường | Điểm số | %Δ | YTD |
|------------|-----------|-------|-------|
| SP500 | 5.708,75 | -0,93 | 19,68 |
| DJIA | 42.156,97 | -0,41 | 11,85 |
| Nasdaq | 17.910,36 | -1,53 | 19,31 |
| Shanghai | 3.336,50 | - | 12,15 |
| Hang Seng | 21.133,68 | - | 23,97 |

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|-----------|-----------|------|--------|
| Vàng | 2.661,17 | 0,99 | 29,02 |
| Dầu WTI | 70,88 | 3,82 | -1,08 |
| Dầu Brent | 74,51 | 3,75 | -3,29 |
| Than | 142,65 | 2,18 | -2,56 |
| Đồng | 4,52 | 0,47 | 16,48 |
| Quặng sắt | 93,83 | 0,91 | -31,19 |
| Thép | 486,11 | - | -11,82 |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số | Giá (USD) | %Δ | YTD |
|---------|-----------|-------|-------|
| DXY | 101,23 | 0,51 | -0,15 |
| USD/JPY | 143,57 | -0,02 | 1,78 |
| USD/CNY | 7,0293 | 0,32 | -1,35 |
| EUR/USD | 1,1065 | -0,65 | 0,26 |
| GBP/USD | 1,3277 | -0,73 | 4,31 |

Top đột phá khối lượng (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá | %Δ |
|-------|---------|-------|------|
| VIX | 621,64 | 12,35 | 2,92 |
| TCB | 999,74 | 24,65 | 1,86 |
| VIB | 649,65 | 19,80 | 2,59 |
| VND | 399,54 | 15,45 | 1,31 |
| SHS | 363,14 | 16,20 | 3,85 |

Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

| Mã CP | Giá trị | Giá | %Δ |
|-------|----------|-------|-------|
| HPG | 1.017,28 | 26,75 | 1,52 |
| TCB | 999,74 | 24,65 | 1,86 |
| MWG | 681,79 | 67,80 | -0,44 |
| VPB | 665,89 | 19,90 | -1,00 |
| VIB | 649,65 | 19,80 | 2,59 |

PAN

(HOSE)

| | |
|---------------------------|----------------------|
| Khuyến nghị | Mua |
| Giá hiện tại (01/10/2024) | 23.650 |
| Giá mục tiêu | 26.000 |
| Tiềm năng tăng trưởng | 10%-11% |
| Vùng mua | 23.400-23.600 |
| Ngưỡng cắt lỗ | <22.300 |

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 6 tháng đầu năm, PAN đạt doanh thu 7.156 tỷ đồng (+27,92% yoy), LNST đạt 376,7 tỷ đồng (+43,09% yoy). Lấn lượt thực hiện được 48,41% kế hoạch doanh thu và 42,71% kế hoạch LNST năm 2024. Nông nghiệp và thực phẩm là các mảng đóng góp chính.

Mảng nông nghiệp: Đây sẽ tiếp tục là mảng kinh doanh được kỳ vọng của PAN trong bối cảnh nhu cầu vẫn duy trì ở mức cao. Quý 4 cũng là quý cao điểm về nhu cầu vật tư nông nghiệp (giống, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón). PAN cũng đã chủ động tích trữ hàng tồn kho nhằm đảm bảo cho nhu cầu tiêu thụ và sản xuất.

Cải thiện giống lúa: Cuối năm nay, PAN sẽ ra mắt giống lúa mới được cải tiến với những đặc tính vượt trội hơn nữa về độ chịu hạn, chịu mặn và cho chất lượng gạo thơm ngon, phù hợp với cả điều kiện khí hậu 3 miền Bắc - Trung - Nam, có thời gian sinh trưởng ngắn hoặc cực ngắn (90-110 ngày)

Mảng bánh kẹo: Pan tiếp tục thay đổi mẫu mã, chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, thay vì mỗi ngày bỏ đi 100.000 vỏ trứng như trước đây, thì PAN nay đã thu gom, xử lý, nghiền và bán lại cho công ty khác, tiến thu về lên tới hàng tỷ đồng mỗi năm.

Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu: Công ty cũng đã thực hiện một cuộc cải tổ lớn với ngành như điều, chuyển đổi sản xuất từ sản phẩm thô sang hàng GTGT để xuất khẩu. Và hôm nay, sản phẩm này của Công ty đã xuất khẩu thành công sang châu Âu, PAN cũng sắp đưa được hàng lên kệ Walmart.

Thông tin doanh nghiệp

| | |
|-------------------------------|----------------------|
| Phân ngành ICB L2 | Thực phẩm và đồ uống |
| Biến động giá 1Y | 17.100-25.400 |
| KLGDBQ 10D (CP) | 1.299.030 |
| Vốn hóa (tỷ đồng) | 4.929,92 |
| BVPS | 22.895 |
| P/E (lần) | 10,23 |
| P/B (lần) | 1,03 |
| EPS (VNĐ) | 2.307,01 |
| SL CPLH (triệu CP) | 208,89 |
| Tỷ lệ free-float (%) | 65,00 |
| Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%) | 18,40 |
| ROA (%) | 2,33 |
| ROE (%) | 10,13 |

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

PAN giữ được các mốc hỗ trợ MA quan trọng và các đường chỉ báo RSI, MFI đang hướng về vùng tích lũy cho tín hiệu mua. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường để có điểm mua an toàn.



| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| Xu hướng ngày | - | Tăng |
| Xu hướng tuần | - | Tăng |
| Xu hướng tháng | - | Tăng |
| RSI 14 | 56,26 | Mua |
| MFI | 67,84 | Mua |
| MA10 | 23,70 | Quan sát |
| MA20 | 23,41 | Mua |
| MA50 | 22,91 | Mua |
| MA100 | 23,32 | Mua |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|--------------------------|-------------|----------|-----------|----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| Danh mục theo dõi | | | | | | | | | | |
| 1 | LPB | Theo dõi | 28,1-29,2 | | | 32.500 | 27.200 | | | |
| 2 | GAS | Theo dõi | 72,8-73,5 | | | 79.300 | 69.600 | | | |
| 3 | DBC | Theo dõi | 27,0-28,0 | | | 32.200 | 26.100 | | | |

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

| | | | | | | | | | | |
|----|------------|---------|-------------|-----------|---------|---------|---------|--|--|-------|
| 1 | MWG | Nắm giữ | 62,5-64,5 | 31/7/24 | 63.500 | 75.000 | 57.500 | | | 6,8% |
| 2 | FPT | Nắm giữ | 118,0-124,0 | 06/8/24 | 120.000 | 149.000 | 113.000 | | | 13,3% |
| 3 | DGW | Nắm giữ | 57,0-59,0 | 16/8/2024 | 59.000 | 67.000 | 55.100 | | | 8,0% |
| 4 | DGC | Nắm giữ | 108,3-110,5 | 20/8/2024 | 110.300 | 127.500 | 104.000 | | | 5,2% |
| 5 | FRT | Nắm giữ | 176-180 | 30/8/2024 | 178.300 | 195.000 | 170.000 | | | -0,7% |
| 6 | BCM | Nắm giữ | 69,5-71 | 11/9/2024 | 70.800 | 79.800 | 66.750 | | | -0,7% |
| 7 | PNJ | Nắm giữ | 96,2-99 | 17/9/2024 | 99.200 | 115.000 | 93.000 | | | -0,8% |
| 8 | VGT | Nắm giữ | 13,6-14,2 | 19/9/2024 | 14.100 | 16.500 | 13.000 | | | 3,5% |
| 9 | QNS | Nắm giữ | 47-47,7 | 23/9/2024 | 48.000 | 54.500 | 45.000 | | | 1,0% |
| 10 | POW | Nắm giữ | 12,7-13,0 | 25/9/2024 | 12.700 | 14.800 | 12.300 | | | 3,9% |
| 11 | GMD | Nắm giữ | 77-78,8 | 25/9/2024 | 78.200 | 85.100 | 74.000 | | | -1,0% |
| 12 | SAB | Nắm giữ | 55,6-57,2 | 26/9/2024 | 57.500 | 65.000 | 53.800 | | | 0,5% |
| 13 | DXG | Nắm giữ | 15,8-16,3 | 27/9/2024 | 16.300 | 17.800 | 15.300 | | | 2,5% |
| 14 | VHM | Nắm giữ | 41,7-42,6 | 1/10/2024 | 42.900 | 48.300 | 40.100 | | | 1,3% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế | Vùng mua | Ngày mua | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | + / - |
|-----|-------------|----------|-------------|-----------|---------|--------------|------------|----------|---------|-------|
| 1 | BCM | Chốt lời | 62,0-66,8 | 22/7/24 | 66.300 | 72.500 | 59.900 | 01/8/24 | 72.500 | 9,4% |
| 2 | HPG | Cắt lỗ | 27,3-28,4 | 23/7/24 | 27.800 | 35.000 | 26.400 | 01/8/24 | 27.600 | -0,7% |
| 3 | ACV | Cắt lỗ | 111,5-117,5 | 30/7/24 | 115.000 | 138.000 | 108.800 | 05/8/24 | 110.000 | -4,3% |
| 4 | PHP | Cắt lỗ | 25,5-26,8 | 25/7/24 | 26.800 | 30.000 | 24.800 | 05/8/24 | 26.000 | -3,0% |
| 5 | BCM | Chốt lời | 65,0-67,0 | 06/8/24 | 66.700 | 72.500 | 62.700 | 12/8/24 | 72.500 | 8,7% |
| 6 | TNG | Chốt lời | 23,0-24,5 | 26/7/24 | 24.300 | 27.000 | 21.800 | 12/8/24 | 27.700 | 14,4% |
| 7 | SAB | Chốt lời | 53,5-55,5 | 16/8/2024 | 55.500 | 62.000 | 51.500 | 22/8/24 | 57.700 | 4,0% |
| 8 | GAS | Chốt lời | 77,0-78,1 | 31/7/24 | 77.500 | 87.000 | 74.400 | 22/8/24 | 85.300 | 10,1% |
| 9 | BSR | Chốt lời | 21,6-22,7 | 9/8/24 | 22.600 | 24.500 | 21.000 | 26/8/24 | 24.400 | 8,0% |
| 10 | BAF | Chốt lời | 17,5-18,0 | 02/8/24 | 17.500 | 21.200 | 16.900 | 05/9/24 | 18.200 | 4,0% |
| 11 | HAH | Chốt lời | 38,5-40,0 | 07/8/24 | 38.900 | 47.000 | 37.300 | 05/9/24 | 41.500 | 6,7% |
| 12 | REE | Cắt lỗ | 67,9-69,8 | 23/8/2024 | 69.600 | 78.500 | 65.100 | 05/9/24 | 67.400 | -3,2% |
| 13 | VCI | Cắt lỗ | 46,2-47,5 | 26/8/2024 | 47.500 | 53.800 | 44.500 | 09/9/24 | 45.500 | -4,2% |
| 14 | NTP | Chốt lời | 67,8-69,5 | 30/8/2024 | 68.200 | 77.000 | 65.300 | 09/9/24 | 68.400 | 0,3% |
| 15 | ACB | Chốt lời | 23,2-24,0 | 24/7/24 | 23.800 | 28.000 | 22.400 | 10/9/24 | 24.550 | 3,2% |
| 16 | DCM | Chốt lời | 34,6-36,0 | 9/8/24 | 36.000 | 41.000 | 33.600 | 10/9/24 | 37.800 | 5,0% |
| 17 | PVT | Chốt lời | 26,8-28,0 | 12/8/24 | 27.900 | 31.000 | 26.000 | 10/9/24 | 28.300 | 1,4% |
| 18 | CTG | Chốt lời | 30,2-31,5 | 13/8/24 | 31.400 | 36.000 | 29.300 | 10/9/24 | 35.500 | 13,1% |
| 19 | MSN | Cắt lỗ | 75,0-77,0 | 19/8/2024 | 77.100 | 89.500 | 72.700 | 10/9/24 | 77.000 | -0,1% |
| 20 | VRE | Chốt lời | 17,9-18,7 | 21/8/2024 | 18.700 | 22.600 | 17.300 | 10/9/24 | 20.300 | 8,6% |
| 21 | DPG | Chốt lời | 52,2-53,5 | 27/8/2024 | 52.200 | 61.800 | 49.700 | 12/9/24 | 54.200 | 3,8% |
| 22 | VHC | Chốt lời | 66,5-68,5 | 9/8/24 | 68.400 | 82.000 | 64.200 | 16/9/24 | 70.200 | 2,2% |
| 23 | VNM | Cắt lỗ | 72,7-74,4 | 23/8/2024 | 74.400 | 88.300 | 69.600 | 16/9/24 | 73.000 | -1,9% |
| 24 | BVH | Chốt lời | 43,2-44,5 | 11/9/2024 | 42.900 | 48.200 | 41.700 | 16/9/24 | 43.200 | 0,7% |
| 25 | TLG | Chốt lời | 51,6-53,0 | 06/9/2024 | 52.800 | 59.000 | 49.700 | 19/9/24 | 53.300 | 0,9% |
| 26 | NT2 | Chốt lời | 18,9-19,5 | 11/9/2024 | 19.500 | 23.000 | 18.300 | 26/9/24 | 20.250 | 3,8% |
| 27 | HDG | Chốt lời | 26-27 | 17/9/2024 | 27.250 | 31.500 | 25.200 | 26/9/24 | 29.350 | 7,7% |
| 28 | VPB | Chốt lời | 18-18,4 | 11/9/2024 | 18.050 | 23.000 | 16.800 | 27/9/24 | 20.100 | 11,4% |
| 29 | VCG | Chốt lời | 18,0-19,3 | 17/9/2024 | 18.200 | 21.900 | 17.500 | 27/9/24 | 19.100 | 4,9% |
| 30 | GVR | Chốt lời | 33-34,5 | 17/9/2024 | 34.750 | 38.600 | 32.000 | 27/9/24 | 36.650 | 5,5% |
| 31 | HVN | Chốt lời | 20,4-21,8 | 25/9/2024 | 21.400 | 25.200 | 19.500 | 30/9/24 | 21.500 | 0,5% |
| 32 | PC1 | Chốt lời | 28-28,5 | 17/9/2024 | 28.200 | 31.800 | 26.900 | 01/10/24 | 29.200 | 3,5% |
| 33 | CTG | Chốt lời | 34-34,6 | 18/9/2024 | 34.800 | 42.900 | 32.600 | 01/10/24 | 37.100 | 6,6% |



Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Cong Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.